

## BẢNG LÃI SUẤT VÀ KỶ HẠN CHO VAY CỦA THỎA THUẬN CHO VAY

(Áp dụng từ 01/04/2026)

- ❖ Với các khoản vay mà Bên cho vay **không lựa chọn Kỳ hạn cho vay**, Lãi suất áp dụng như sau:

Loại lãi suất		Lãi suất áp dụng
Lãi suất theo kỳ hạn mặc định (01 tháng)		4.5%/năm
Lãi suất trước hạn	Từ 07 ngày đến dưới 01 tháng	3.0%/năm
	Từ 01 đến 06 ngày	2.0%/năm

- ❖ Với các khoản vay được Bên cho vay **lựa chọn Kỳ hạn cho vay**, Lãi suất áp dụng như sau:

Kỳ hạn cho vay	Lãi suất	Lãi suất trước hạn
1 tháng	5.5%/năm	2.0%/năm
2 tháng	5.5%/năm	2.0%/năm
3 tháng	6.0%/năm	2.0%/năm
4 tháng	6.0%/năm	2.0%/năm
5 tháng	6.0%/năm	2.0%/năm
6 tháng	6.5%/năm	2.0%/năm
7 tháng	6.5%/năm	2.0%/năm
8 tháng	6.5%/năm	2.0%/năm
9 tháng	6.5%/năm	2.0%/năm
10 tháng	7.0%/năm	2.0%/năm
11 tháng	7.0%/năm	2.0%/năm
12 tháng	7.0%/năm	2.0%/năm

- ❖ Với các khoản vay được lựa chọn Kỳ hạn lẻ (không tròn tháng), Lãi suất áp dụng là Lãi suất của kỳ hạn cho vay tròn tháng gần nhất trước đó.

### Lưu ý:

- Đối với Bên cho vay là cá nhân, các mức Lãi suất nêu trên là mức Lãi suất trước thuế thu nhập cá nhân.
- Với các khoản vay mà Bên cho vay **không lựa chọn Kỳ hạn cho vay**: Khi đáo hạn, Lãi suất dùng để tính Tiền lãi là mức Lãi suất có hiệu lực tại các ngày trong Kỳ hạn cho vay. Lãi suất trước hạn dùng để tính Tiền lãi là mức Lãi suất đang có hiệu lực tại ngày Bên cho vay yêu cầu trả tiền vay trước hạn.
- Với các khoản vay mà Bên cho vay **lựa chọn Kỳ hạn cho vay**: Khi đáo hạn, Lãi suất dùng để tính Tiền lãi là mức Lãi suất có hiệu lực tại ngày lựa chọn Kỳ hạn cho vay. Lãi suất trước hạn dùng để tính Tiền lãi là mức Lãi suất đang có hiệu lực tại ngày Bên cho vay yêu cầu trả tiền vay trước hạn.

## BẢNG LÃI SUẤT VÀ KỶ HẠN CHO VAY CỦA THỎA THUẬN CHO VAY

(Áp dụng từ 01/02/2026 đến 31/03/2026)

- ❖ Với các khoản vay mà Bên cho vay **không lựa chọn Kỳ hạn cho vay**, Lãi suất áp dụng như sau:

Loại lãi suất		Lãi suất áp dụng
Lãi suất theo kỳ hạn mặc định (01 tháng)		4.0%/năm
Lãi suất trước hạn	Từ 07 ngày đến dưới 01 tháng	3.0%/năm
	Từ 01 đến 06 ngày	2.0%/năm

- ❖ Với các khoản vay được Bên cho vay **lựa chọn Kỳ hạn cho vay**, Lãi suất áp dụng như sau:

Kỳ hạn cho vay	Lãi suất	Lãi suất trước hạn
1 tháng	5.0%/Năm	2.0%/năm
2 tháng	5.0%/Năm	2.0%/năm
3 tháng	5.5%/Năm	2.0%/năm
4 tháng	5.5%/Năm	2.0%/năm
5 tháng	5.5%/Năm	2.0%/năm
6 tháng	6.0%/Năm	2.0%/năm
7 tháng	6.0%/Năm	2.0%/năm
8 tháng	6.0%/Năm	2.0%/năm
9 tháng	6.0%/Năm	2.0%/năm
10 tháng	6.5%/Năm	2.0%/năm
11 tháng	6.5%/Năm	2.0%/năm
12 tháng	6.5%/Năm	2.0%/năm

- ❖ Với các khoản vay được lựa chọn Kỳ hạn lẻ (không tròn tháng), Lãi suất áp dụng là Lãi suất của kỳ hạn cho vay tròn tháng gần nhất trước đó.

### **Lưu ý:**

- Đối với Bên cho vay là cá nhân, các mức Lãi suất nêu trên là mức Lãi suất trước thuế thu nhập cá nhân.
- Với các khoản vay mà Bên cho vay **không lựa chọn Kỳ hạn cho vay**: Khi đáo hạn, Lãi suất dùng để tính Tiền lãi là mức Lãi suất có hiệu lực tại các ngày trong Kỳ hạn cho vay. Lãi suất trước hạn dùng để tính Tiền lãi là mức Lãi suất đang có hiệu lực tại ngày Bên cho vay yêu cầu trả tiền vay trước hạn.
- Với các khoản vay mà Bên cho vay **lựa chọn Kỳ hạn cho vay**: Khi đáo hạn, Lãi suất dùng để tính Tiền lãi là mức Lãi suất có hiệu lực tại ngày lựa chọn Kỳ hạn cho vay. Lãi suất trước hạn dùng để tính Tiền lãi là mức Lãi suất đang có hiệu lực tại ngày Bên cho vay yêu cầu trả tiền vay trước hạn.

## BẢNG LÃI SUẤT VÀ KỶ HẠN CHO VAY CỦA THỎA THUẬN CHO VAY

(Áp dụng từ 24/03/2025 đến 31/01/2026)

- ❖ Với các khoản vay mà Bên cho vay **không lựa chọn Kỳ hạn cho vay**, Lãi suất áp dụng như sau:

Loại lãi suất		Lãi suất áp dụng
Lãi suất theo kỳ hạn mặc định (01 tháng)		4.0%/năm
Lãi suất trước hạn	Từ 07 ngày đến dưới 01 tháng	3.0%/năm
	Từ 01 đến 06 ngày	2.0%/năm

- ❖ Với các khoản vay được Bên cho vay **lựa chọn Kỳ hạn cho vay**, Lãi suất áp dụng như sau:

Kỳ hạn cho vay	Lãi suất	Lãi suất trước hạn
1 tháng	4.0%/năm	2.0%/năm
2 tháng	4.0%/năm	2.0%/năm
3 tháng	4.5%/năm	2.0%/năm
4 tháng	4.5%/năm	2.0%/năm
5 tháng	4.5%/năm	2.0%/năm
6 tháng	5.0%/năm	2.0%/năm
7 tháng	5.0%/năm	2.0%/năm
8 tháng	5.0%/năm	2.0%/năm
9 tháng	5.0%/năm	2.0%/năm
10 tháng	5.5%/năm	2.0%/năm
11 tháng	5.5%/năm	2.0%/năm
12 tháng	5.5%/năm	2.0%/năm

- ❖ Với các khoản vay được lựa chọn Kỳ hạn lẻ (không tròn tháng), Lãi suất áp dụng là Lãi suất của kỳ hạn cho vay tròn tháng gần nhất trước đó.

### **Lưu ý:**

- Đối với Bên cho vay là cá nhân, các mức Lãi suất nêu trên là mức Lãi suất trước thuế thu nhập cá nhân.
- Với các khoản vay mà Bên cho vay **không lựa chọn Kỳ hạn cho vay**: Khi đáo hạn, Lãi suất dùng để tính Tiền lãi là mức Lãi suất có hiệu lực tại các ngày trong Kỳ hạn cho vay. Lãi suất trước hạn dùng để tính Tiền lãi là mức Lãi suất đang có hiệu lực tại ngày Bên cho vay yêu cầu trả tiền vay trước hạn.
- Với các khoản vay mà Bên cho vay **lựa chọn Kỳ hạn cho vay**: Khi đáo hạn, Lãi suất dùng để tính Tiền lãi là mức Lãi suất có hiệu lực tại ngày lựa chọn Kỳ hạn cho vay. Lãi suất trước hạn dùng để tính Tiền lãi là mức Lãi suất đang có hiệu lực tại ngày Bên cho vay yêu cầu trả tiền vay trước hạn.